

UBND XÃ CÁT THÀNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC CÁT THÀNH

Số: 89/BC-THCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

Cát Thành, ngày 17 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

**Thường niên Trường Tiểu học Cát Thành
Năm học 2025 - 2026**

I. THÔNG TIN CHUNG

Trường Tiểu học thị trấn Cát Thành được đổi tên thành trường Tiểu học Cát Thành từ ngày 07/7/2025 do sáp nhập thị trấn Cát Thành, xã Trục Đạo và xã Việt Hùng thành xã Cát Thành theo chỉ đạo sáp nhập của chính quyền địa phương hai cấp, với tổng diện tích của nhà trường là 14840 m², diện tích xây dựng 2120 m². Hiện trường có tổng số phòng: 51; Số phòng học: 38, học 2 buổi/ ngày: 38/38; Số phòng làm việc: 8; Số phòng chức năng: 13. Trường được xây dựng kiên cố, cảnh quan thoáng mát, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khuôn viên trường trồng nhiều cây xanh. Điều kiện cơ sở vật chất khá đầy đủ, bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng viết được trang bị đầy đủ, có hệ thống nước sạch đảm bảo an toàn khi sử dụng. Năm học 2025-2026, trường đưa vào sử dụng công trình xây mới nhà học 2 tầng 8 phòng học, nhà đa năng và các công trình phụ trợ tại khu B.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Cơ cấu	T. số	Nữ	Trình độ đào tạo			Ghi chú
			Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Chưa đạt chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	
Phó HT	2	1	2	0	0	
Giáo viên	54	48	50	0	4	
Nhân viên	5	5	4	0	1	
Tổng	62	54	56	0	5	

TT	Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Tổng số GV	52	52	52	51	54
2	Tỷ lệ gv/lớp	1,44	1,44	1,44	1,45	1,42
3	Tỷ lệ gv/hs	0,03	0,03	0,03	0,03	0,04

4	GV dạy giỏi cấp huyện	1	0	0	02	0
5	GV dạy giỏi cấp tỉnh	0	0	0	0	0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Trường có diện tích 14.840 m². Khuôn viên nhà trường cả 2 khu được xây dựng cạnh đường trục xã nên thuận tiện cho học sinh đến trường, diện tích bình quân 11,3 m²/học sinh.

Trong những năm qua, nhà trường đã trồng và thường xuyên chăm sóc cây xanh che bóng mát cũng như các loại hoa, cây cảnh. Đến nay, trong khuôn viên trường đã có nhiều cây bóng mát và các loại hoa để tăng tính thẩm mỹ cho sân trường, đảm bảo khuôn viên xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh;

Trường có cổng trường, biển tên trường, đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ, có tường rào bảo vệ khép kín đảm bảo an toàn. Cổng của trường được xây dựng kiên cố, rộng rãi, cao ráo bảo đảm an toàn cho các bậc phụ huynh đưa đón học sinh, kể cả trong giờ cao điểm. Biển tên trường được lắp đặt rõ ràng, đảm bảo về mỹ quan, nội dung biển tên trường đúng theo quy định Điều lệ trường tiểu học;

Trường đã xây dựng công trình tổng diện tích 2120 m²; có sân chơi được đổ bê tông, sân tập được trồng cỏ, bằng phẳng đảm bảo an toàn cho học sinh vui chơi, rèn luyện thể dục thể thao, có các dụng cụ luyện tập thể dục, thể thao cho học sinh như: bóng rổ, nhảy dây, cầu lông...

Trường được đầu tư dự án xây dựng nhà học 3 tầng 15 phòng học và các công trình phụ trợ cho khu A với tổng trị giá 19 tỉ đồng. Dự kiến khởi công xây dựng trong tháng 8 năm 2026.

Diện tích các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng:

Diện tích đất	Số lượng (m2)							
	Tổng diện tích khuôn viên đất	14840						
Diện tích đất sân chơi, bãi tập	2000							
Phòng	Trên cấp 4		Cấp 4		Tạm		Mượn	
	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)
- Phòng học văn hoá	26	1300	10	500	0	0	0	0
- Phòng học tin học	2	100	0	0	0	0	0	0
- Phòng giáo dục nghệ thuật			1	50				
- Phòng giáo dục mỹ thuật			1	50				

- Phòng giáo dục âm nhạc			1	50					
- Phòng Thư viện	1	50	1	80					
- Phòng thiết bị giáo dục	1	30	1	30					
- Phòng TT và hoạt động Đội			1	35					
- Phòng hỗ trợ học sinh khuyết tật			1	30					
- Phòng y tế học đường	2	30	1	30					
- Phòng hiệu trưởng	1	30	1	30					
- Phòng phó hiệu trưởng	1	20	1	25					
- Phòng họp giáo viên (hội đồng)	1	50	1	50					
- Văn phòng									
- Phòng thường trực - Bảo vệ			2	30					
- Phòng kho lưu trữ			2	40					
Nhà vệ sinh	Dùng cho GV Nam		Dùng cho GV nữ		Dùng cho HS nam		Dùng cho HS nữ		
	Số lượng	Diện tích (m ²)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Số lượng	Diện tích (m ²)	
Đạt chuẩn vệ sinh (*)		2	20	2	20	2	60	2	60

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
I	- Phòng học	37	37	36	35	38
1	- Kiên cố	37	37	36	35	38
2	- Bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	- Tạm	0	0	0	0	0
II	- Khối phòng phục vụ học tập	5	5	5	5	5
1	- Kiên cố	5	5	5	5	5
2	- Bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	- Tạm	0	0	0	0	0
III	- Khối phòng hỗ trợ học tập	3	3	4	4	4
1	- Kiên cố	3	3	4	4	4
2	- Bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	- Tạm	0	0	0	0	0
IV	- Khối phòng phụ trợ	5	5	5	5	5
1	- Kiên cố	5	5	5	5	5
2	- Bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	- Tạm	0	0	0	0	0
V	- Khối phòng hành chính QT	7	7	7	7	7
1	- Kiên cố	4	4	4	4	4
2	- Bán kiên cố	3	3	3	3	3
3	- Tạm	0	0	0	0	0

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường được công nhận lại kiểm định chất lượng cấp độ 3 theo Quyết định số 1233/QĐ-SGDĐT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định; Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 1232/QĐ-SGDĐT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định, trường đạt chuẩn xanh-sạch-đẹp và an toàn theo quyết định số 1234/QĐ-SGDĐT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định. Năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục rà soát điều chỉnh chiến lược phát triển của nhà trường, bổ sung các hạng mục còn thiếu, phát huy hiệu quả trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, trường đạt chuẩn xanh – sạch – đẹp và an toàn; kiểm định chất lượng cấp độ 3.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Năm học 2025 - 2026, nhà trường tiếp tục phát huy các điểm mạnh, các quy định về chuyên môn của nhà trường, thường xuyên tổ chức các chuyên đề nâng cao chất lượng, tăng cường công tác dự giờ, đổi mới sinh hoạt chuyên môn tạo điều kiện giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn do ngành tổ chức giao lưu; nâng cao chất lượng các hội thi, cuộc thi đạt hiệu quả cao đều nằm trong top đầu của xã, các cuộc thi cấp cụm, cấp tỉnh đều đạt các giải cao. Bên cạnh đó, đơn vị chủ động, linh hoạt để thực hiện các biện pháp rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh, tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH TỪ THÁNG 01/01/2026 – 15/6/2026

TT	DIỄN GIẢI		Tồn tháng 12/2025	Thu	Chi	Tồn
1	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	TK 3713.3.1087318	34.426.876	5.776.390	40.202.390	876
2	Vận động tài trợ	Tài trợ tiền mặt	0	294.500.000	294.500.000	0
2	Nước uống	TK 3215215009321	20.000	63.950.000	63.970.000	0
4	Vệ sinh	TK 3215215009321	7.875.000	108.715.000	116.590.400	0
5	Trông xe	TK 3215215009321	6.688.000	24.110.000	12.411.000	18.387.000
6	Ngân sách	Nguồn 12	0	1.767.000.000	275.026.112	1.491.973.888

	Nguồn 13	0	12.454.000.000	6.575.213.877	5.878.786.123
	Nguồn 18	0	700.000.000	0	700.000.000
Tổng cộng		49.009.876	15.418.051.390	7.377.913.779	8.089.147.887

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo

- Năm học 2025-2026, trường tiểu học Cát Thành đã thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh theo Chương trình GDPT 2018 đảm bảo đạt chất lượng và hiệu quả.

- Kịp thời chỉ đạo, ban hành các kế hoạch, quy định, quy chế, hướng dẫn giáo viên, nhân viên thực hiện tốt các nhiệm vụ. Các văn bản được triển khai, quán triệt tới các toàn bộ giáo viên, nhân viên, học sinh.

- Thực hiện tham mưu với chính quyền địa phương, vận động cha mẹ sinh và các mạnh thường quân đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học¹

2. Quy mô phát triển giáo dục

Tổng số CBQL, GV, NV nhà trường : 62 người, trong đó:

+ Ban giám hiệu : 03

+ Giáo viên văn hoá : 39

+ Giáo viên chuyên : 15 (02 giáo viên dạy Âm nhạc; 04 giáo viên Thể dục; 04 giáo viên tiếng Anh; 03 giáo viên Tin học; 02 giáo viên Mĩ thuật)

+ Nhân viên : 07 (01 kế toán, 01 y tế, 02 nhân viên văn thư, 02 bảo vệ)

+ Trình độ Đại học: 53 đồng chí; Học qua lớp QLGD: 3 đồng chí; Trung cấp chính trị: 3 đồng chí; Chứng chỉ tin học: 52 đồng chí ; Số đảng viên: 39 đồng chí.

Số giáo viên đạt chuẩn (ĐH): $49/54 = 94,2\%$.

+ Văn phòng: 05 đồng chí, trong đó có 01 đồng chí hợp đồng 1009.

- Tổng số lớp: 35

Khối	Số lớp	Số HS	Số HS học hoà nhập	Ghi chú
Khối 1	8	255	1	
Khối 2	8	276	1	
Khối 3	8	259	0	
Khối 4	7	261	0	
Khối 5	7	258	0	
	38	1309	0	



3. Công tác xây dựng đội ngũ

Nhà trường quán triệt, tuyên truyền thực hiện Nghị định 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và Kế hoạch 91/KH-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh về lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS. Tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và tham mưu với UBND xã bổ sung cho nhà trường đủ số lượng giáo viên theo quy định.

Thực hiện tốt quy chế sinh hoạt chuyên môn cấp cụm, cấp trường theo kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm học, thực hiện nghiêm túc việc sinh hoạt theo nghiên cứu bài học, dạy học thí điểm từ đó giúp giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn.

Động viên, khuyến khích giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn theo Luật Giáo dục 2019 đi học để nâng cao trình độ. Trong năm học 2025-2026 có 2 giáo viên học đại học và hoàn thành vào đầu năm học 2026-2027

4. Công tác thực hiện các nhiệm vụ

4.1. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Nhà trường đã triển khai chương trình giáo dục phổ thông theo đúng công văn chỉ đạo của các cấp. Thực hiện dạy các khối lớp theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 đảm bảo theo kế hoạch giáo dục

Kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế trên cơ sở bảo đảm mục tiêu, nội dung đáp ứng yêu cầu cần đạt theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Nhà trường tích cực tham mưu với chính quyền địa phương đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho nhà trường. Thông qua đề án xây dựng nhà học 3 tầng 15 phòng học cho khu A.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học tối thiểu 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần;

Tổ chức các hoạt động cho học sinh ngoài giờ chính khóa là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà; tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống lồng ghép qua các bài học chính khóa, ngoại khóa; phối hợp các trung tâm tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong nhà trường đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện đầy đủ các tiết dạy trong thư viện và các hoạt động trong thư viện (đối với lớp 1,2,3 thực hiện 2 tiết/tháng; lớp 4,5 thực hiện dạy 1 tiết/tuần). Các giáo viên xây dựng đầy đủ các kế hoạch lên lớp cho các tiết học trong thư viện như: Tiết đọc to nghe chung, các tiết đọc cặp đôi, cùng đọc.

Tổ chức dạy học tích hợp, gắn với thực tiễn, phát triển năng lực HS; tăng cường hoạt động trải nghiệm, học theo nhóm, theo chủ đề phù hợp với lứa tuổi. Tổ chức lồng ghép các nội dung về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; quyền con người; giáo dục STEM/STEAM; bình đẳng giới; giáo dục dinh dưỡng, chủ quyền biên giới, biển đảo; quốc phòng, an ninh; môi trường, đa dạng sinh học, ứng phó biến đổi khí hậu; di sản văn hóa, an toàn giao thông và các chủ đề tích hợp khác trên nền tảng số, phù hợp với điều kiện nhà trường và năng lực HS

- Kết quả đạt được trong năm học 2025-2026

+ Hội thi cấp trường: Hội thi Giáo viên giỏi cấp trường có 14 giáo viên tham gia dự thi, kết quả có 6 tiết xuất sắc, 08 tiết đạt loại giỏi; Hội thi Giải tiếng Anh trên Internet có 62 học sinh tham gia cấp trường, kết quả có 9 học sinh đạt giải Nhất; 14 học sinh đạt giải Nhì; 18 học sinh đạt giải Ba; 19 học sinh đạt giải khuyến khích; Hội thi Trưng Nguyên Tiếng Việt có 55 học sinh đã vượt qua vòng thi sơ khảo và đủ điều kiện tham gia vòng thi Hương; Hội thi TDDT có 8 học sinh đạt giải nhất; Hội thi tài năng tiếng Anh có 6 giải Nhất; 6 giải nhì; 7 giải Ba, 10 giải khuyến khích; Hội thi viết chữ đúng và đẹp có 38 giải Nhất; 33 giải Nhì; 25 giải Ba; 17 giải khuyến khích;

+ Hội thi cấp xã, cấp cụm: Hội thi viết chữ đúng và đẹp có 13 học sinh được chọn tham gia cấp cụm và 8 học sinh được lựa chọn đi thi cấp tỉnh; Hội thi TDDT có 3 học sinh đạt giải Nhất và được chọn đi thi cấp tỉnh; Hội thi tài năng tiếng Anh có 2 học sinh đi thi và 01 em được lựa chọn tham gia cấp tỉnh; Hội thi sáng tạo STEM và sản phẩm nghệ thuật có 2 sản phẩm được chọn đi cấp cụm và đi trưng bày tại ngày hội STEM cấp tỉnh.

+ Hội thi cấp tỉnh: Cuộc thi sáng tác vẽ logo biểu trưng tỉnh Ninh Bình có 8 học sinh, 3 giáo viên được lựa chọn bài về Phòng VH-XH xã Cát Thành và 01 giáo viên được lựa chọn đi thi cấp tỉnh; Cuộc thi môn GDTC lồng ghép 6C có 1 giáo viên tham gia dạy dự thi cấp cụm 10; Hội thi viết chữ đúng và đẹp có 8 học sinh tham gia với 2 giải Nhất, 3 giải Ba; Hội thi TDDT có 3 học sinh đạt giải Khuyến khích; Hội thi Tài năng tiếng Anh có 1 học sinh đạt giải Khuyến khích; Cuộc thi chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng có 01 giáo viên được chọn tham gia cấp tỉnh; Hội thi sáng tạo STEM và sản phẩm nghệ thuật có 2 sản phẩm tham gia và được cấp giấy chứng nhận cấp tỉnh.

+ Hội thi cấp Quốc gia: Thi viết chữ đúng và đẹp có 6 học sinh tham gia, kết quả đạt 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 01 giải Tư và 3 giải triển vọng.

+ Cuộc thi đối với giáo viên: Cuộc thi chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng có 8 tác phẩm dự thi, 01 tác phẩm được lựa chọn tham gia cấp tỉnh. Hội

thi thể dục thể thao cấp xã có 01 giải nhất môn cầu lông đôi nam nữ, 03 giải nhì nội dung cầu lông đôi nam, cờ vua nữ, cờ vua nam.

* Kết quả chất lượng đại trà (có phụ lục kèm theo)

2. Công tác thực hiện các mô hình giáo dục

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể, thành lập Ban chỉ đạo thực hiện mô hình, tổ chức hoạt động giáo dục theo nội dung, mô hình linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả, phù hợp điều kiện của xã và nhà trường.

Tổ chức cho giáo viên đăng kí dạy thử nghiệm tài liệu giáo dục địa phương đối với khối lớp 5 với 9 chủ đề, sử dụng sơ đồ tư duy, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số trong dạy học.

Rà soát cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu, bố trí không gian và nguồn lực đáp ứng triển khai mô hình. Tổ chức cho CBQL, GV nhà trường tham gia tập huấn đầy đủ, tích cực tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn liên quan đến các mô hình. Tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh, huy động nguồn lực xã hội hóa để triển khai hiệu quả chương trình dạy học và tổ chức các hoạt động cho học sinh.

3. Công tác tăng cường cơ sở vật chất

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy. Cụ thể:

- Đưa vào sử dụng nhà học 2 tầng 8 phòng học và các hạng mục phụ trợ do Tập đoàn khí Việt Nam tài trợ.

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng nhà đa năng, các công trình phụ trợ cho khu B.

- Lắp đặt hệ thống điện 3 pha cho 2 khu đảm bảo đủ điều kiện an toàn trong khi sử dụng các thiết bị điện của nhà trường.

- Rà soát, bổ sung hệ thống âm thanh cho hoạt động ngoài giờ lên lớp, mua sắm bổ sung máy tính cho phòng Tin học nâng tổng số máy tính lên 42 bộ, đảm bảo 2 học sinh/máy.

- Hoàn thành việc khảo sát, đo đạc, thiết kế xây dựng nhà học 3 tầng 15 phòng học và các công trình phụ trợ cho khu A, dự kiến bắt đầu khởi công vào đầu tháng 8 năm 2026.

4. Công tác lựa chọn sách giáo khoa, xuất bản phẩm và tài liệu giáo dục địa phương.

Nhà trường đã tổ chức thực hiện việc lựa chọn sách giáo khoa, xuất bản phẩm dùng trong nhà trường năm học 2025-2026 theo đúng quy định của Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về quản lí và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục mầm non,

giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Tổ chức xây dựng tủ sách dùng chung trong nhà trường trong thư viện bằng các hình thức xã hội hoá, huy động học sinh ủng hộ vào cuối năm học.

Chỉ đạo tổ chuyên môn hướng dẫn giáo viên chủ động rà soát, điều chỉnh ngữ liệu bài học/chủ đề trong sách giáo khoa để phù hợp với thực tiễn sắp xếp địa giới hành chính và chính quyền địa phương hai cấp. Đối với môn học Lịch sử và Địa lý lớp 4, lớp 5, giáo viên chủ động điều chỉnh những ngữ liệu liên quan đến địa giới hành chính và chính quyền địa phương hai cấp cho đến khi Bộ GDĐT hoàn thiện các bước chỉnh sửa chương trình môn học làm căn cứ để thực hiện hiệu chỉnh sửa sách giáo khoa.

5. Công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lí và giáo viên

Nhà trường tích cực tham mưu với địa phương và chủ động xây dựng kế hoạch để bảo đảm đủ số lượng và cơ cấu giáo viên theo quy định CTGDPT; sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có, đáp ứng yêu cầu thực tế tại nhà trường. Năm học 2025-2026, nhà trường có đủ số lượng và chủng loại giáo viên: 38/38 giáo viên văn hoá; 15 giáo viên chuyên cho các môn học và hoạt động giáo dục.

Động viên khuyến khích CBQL, GV, NV tham gia các lớp học, lớp tập huấn nhằm nâng cao trình độ quản lí, trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Phần đầu trong năm học có 02 giáo viên hoàn thành chương trình đào tạo Đại học. Kết quả 50/54 giáo viên có trình độ đạt chuẩn, 02 giáo viên không đủ thời gian nâng trình độ do nghỉ hưu trong năm học 2025-2026. Nhà trường tổ chức cho giáo viên tham gia các lớp tập huấn ứng dụng AI trong thiết kế bài giảng và tổ chức các hoạt động cho học sinh, qua lớp tập huấn, giáo viên đã có thể ứng dụng và sử dụng tốt các phương tiện hỗ trợ dạy học nhằm tạo hứng thú, nâng cao chất lượng các giờ lên lớp.

6. Công tác đổi mới phương pháp, chuyển đổi số trong dạy học

- Nhà trường tích cực đổi mới sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn trong trường và cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học theo hướng dẫn Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo. Hàng tháng, tuần, nhà trường đều có kế hoạch cho các tổ, khối sinh hoạt chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, đưa các phương pháp, cải tiến vào giảng dạy. Vận dụng phương pháp “Sơ đồ tư duy” vào tổ chức dạy học một số môn học phù hợp; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá môn Tiếng Việt ở tiểu học; tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn trong trường và cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai dạy học trực tuyến đảm bảo thực hiện đúng,

có chất lượng, hiệu quả, nội dung dạy học theo quy định; phù hợp với kỹ năng của giáo viên, khả năng lĩnh hội và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của học sinh; khi thực hiện phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống phần mềm, học liệu dạy học trực tuyến; đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn thông tin mạng.

- Nhà trường thực hiện tốt các hoạt động giáo dục kỹ năng công dân số cho HS tiểu học theo hướng dẫn, góp phần hình thành năng lực công dân số từ sớm. Triển khai Học bạ số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ chuyển đổi số ngành giáo dục.

- Kết quả giáo viên nhà trường đã tích cực đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng các ứng dụng OLM, ... để hướng dẫn học sinh học tập.

7. Công tác phổ cập giáo dục

Nhà trường đã thực hiện triển khai nghiêm túc các văn bản quy định về công tác phổ cập xoá mù chữ năm 2025 theo các văn bản hướng dẫn của các cấp.

Thành lập Ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Tổ chức đến các thôn để thực hiện công tác điều tra. Hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, phiếu điều tra. Kết quả đoàn kiểm tra phổ cập của tỉnh đánh giá đạt cấp độ 3.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2025-2026, trường tiểu học Cát Thành, xã Cát Thành, tỉnh Ninh Bình trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Đảng uỷ, HĐND, UBND;
- Phòng VH-XH;
- Trang Web nhà trường (để công khai)
- Các tổ khối chuyên môn; (để thực hiện)
- Lưu VP./.

} Để
báo
cáo

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Viết Điện

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

1. Chất lượng giáo dục

	Số số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1					Lớp 2					Lớp 3					Lớp 4					Tổng số HS có KQĐG	Lớp 5						
			Trong tổng số					Trong tổng số					Trong tổng số					Trong tổng số												
			Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khu vực	Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Dân tộc		Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép
I. Kết quả học tập																														
1. Tiếng Việt	1309	1,309	256	112	2	2	1	276	127	1	1	259	124	1	261	117	257	146												
Hoàn thành tốt		1,066	221	105	1	1	1	244	119	1	1	196	100		226	108	179	116												
Hoàn thành		243	35	7	1	1	1	32	8			63	24	1	35	9	78	30												
Chưa hoàn thành																														
2. Toán	1309	1,309	256	112	2	2	1	276	127	1	1	259	124	1	261	117	257	146												
Hoàn thành tốt		1,110	239	107	1	1	1	239	117	1	1	235	115	1	227	106	170	92												
Hoàn thành		199	17	5	1	1		37	10			24	9		34	11	87	54												
Chưa hoàn thành																														
3. Đạo đức	1309	1,309	256	112	2	2	1	276	127	1	1	259	124	1	261	117	257	146												
Hoàn thành tốt		1,123	213	103	1	1		237	119	1	1	230	113	1	226	106	217	131												
Hoàn thành		186	43	9	1	1	1	39	8			29	11		35	11	40	15												
Chưa hoàn thành																														
4. Tự nhiên và Xã hội	791	791	256	112	2	2	1	276	127	1	1	259	124	1																
Hoàn thành tốt		666	210	98	1	1		234	117	1	1	222	109																	
Hoàn thành		125	46	14	1	1	1	42	10			37	15	1																
Chưa hoàn thành																														
5. Khoa học	518	518													261	117	257	146												
Hoàn thành tốt		490													245	110	245	140												
Hoàn thành		28													16	7	12	6												
Chưa hoàn thành																														
6. LS&ĐL	518	518													261	117	257	146												
Hoàn thành tốt		463													234	109	229	134												
Hoàn thành		55													27	8	28	12												
Chưa hoàn thành																														
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	1309	1,309	256	112	2	2	1	276	127	1	1	259	124	1	261	117	257	146												
Hoàn thành tốt		1,023	200	95	1	1		222	115	1	1	199	103		208	101	194	118												
Hoàn thành		286	56	17	1	1	1	54	12			60	21	1	53	16	63	28												
Chưa hoàn thành																														
8. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	1309	1,309	256	112	2	2	1	276	127	1	1	259	124	1	261	117	257	146												
Hoàn thành tốt		1,004	199	95	1	1		227	119	1	1	191	96		187	93	200	120												
Hoàn thành		305	57	17	1	1	1	49	8			68	28	1	74	24	57	26												
Chưa hoàn thành																														
9. Hoạt động trải nghiệm	1309	1,309	256	112	2	2	1	276	127	1	1	259	124	1	261	117	257	146												
Hoàn thành tốt		1,107	212	99	1	1		236	121	1	1	223	109		221	104	215	128												
Hoàn thành		202	44	13	1	1	1	40	6			36	15	1	40	13	42	18												
Chưa hoàn thành																														
10. Giáo dục thể chất	1309	1,309	256	112	2	2	1	276	127	1	1	259	124	1	261	117	257	146												
Hoàn thành tốt		1,071	201	93	1	1		222	116	1	1	220	106	1	208	101	220	127												
Hoàn thành		238	55	19	1	1	1	54	11			39	18		53	16	37	19												



